

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *117* /SXD-KTQH

Hà Nam, ngày *04* tháng 02 năm 2015

V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo Quy hoạch và quản lý cao độ các tuyến đường giao thông và cao độ san nền các khu vực trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

Thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh giao tại thông báo số 66/TB-UBND về chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2014.

Căn cứ thông báo số 1437/TB-VPUB ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh về kết luận của Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Uỷ ban tháng 12/2014.

Sở Xây dựng đã nghiên cứu chỉnh sửa Dự thảo đề án Quy hoạch và quản lý cao độ các tuyến đường giao thông và cao độ san nền các khu vực trên địa bàn tỉnh. Để có cơ sở báo cáo UBND tỉnh xem xét ban hành, Sở Xây dựng đề nghị các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình để cho ý kiến vào dự thảo.

Ý kiến gửi về Sở Xây dựng trước ngày **13/02/2015**. Sở Xây dựng trân trọng đề nghị./.

(Kèm theo văn bản này là Dự thảo đề án Quy hoạch và quản lý cao độ các tuyến đường giao thông và cao độ san nền các khu vực trên địa bàn tỉnh).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT; QH;

Nam/D/So XD/VB đi/2015/04.

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Quang Nha

ĐỀ ÁN

Quy hoạch và Quản lý cao độ xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết

a. Căn cứ pháp lý :

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;
- Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 về Quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch; Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2008/BXD; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2010/BXD; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao QCVN11:2008/BTNMT;
- Quyết định số 83/2000/QĐ-TTg ngày 12/07/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000;
- Thông tư số 02/2010/TT-BXD ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, mã số QCVN 07:2010/BXD; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch; Thông tư 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 về hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 973/TT-CTĐC ngày 20/6/2001 của Tổng Cục Địa chính về việc hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ Quốc gia VN2000.
- Các Đồ án quy hoạch: Quy hoạch vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ số 364/QĐ-UBND ngày 25/3/2011); Quy hoạch Tiêu và công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch Giao thông vận tải tỉnh Hà Nam giai đoạn 2007-2015 và định hướng đến năm 2025 (QĐ số 980/QĐ-UBND ngày 17/9/2014).
- Thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh giao tại văn bản số 66/TB-UBND về chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2014.

b. Thực trạng và sự cần thiết :

b1. Thực trạng :

- Hà Nam là tỉnh đồng bằng bán sơn địa, diện tích 860,4km², trong đó vùng đồng bằng chiếm khoảng 2/3 diện tích và chủ yếu là vùng đồng chiêm trũng. Thoát nước tại các khu dân cư nông thôn, đô thị, khu công nghiệp và nông nghiệp chủ yếu là cưỡng bức vào mùa mưa lũ và tự chảy ra sông và mùa khô bằng hệ thống tiêu thủy lợi.

- Kể từ khi tách tỉnh, năm 1997, đến nay, trên địa bàn tỉnh Hà Nam đã thực hiện nhiều quy hoạch. Đó là các quy hoạch về xây dựng: Quy hoạch vùng tỉnh, Quy hoạch các đô thị (thành phố, thị trấn); Quy hoạch các Khu công nghiệp và các Khu chức năng khác; quy hoạch Thủy lợi; quy hoạch về sử dụng đất; quy hoạch về giao thông ... Nhìn chung khi thực hiện các quy hoạch chuyên ngành tuy có tham khảo các quy hoạch liên quan nhưng vẫn còn mang tính chất độc lập, đặc biệt là việc áp dụng hệ thống tọa độ, cao độ. Trong những năm 1990 -2005 là thời kỳ Nhà nước chuyển đổi áp dụng các hệ cao độ và độ cao: hệ tọa độ HN72 chuyển sang hệ tọa độ VN2000; hệ cao độ có hệ cao độ Lục địa, hệ cao độ Hải đồ, hệ cao độ Thủy lợi, hệ tọa độ, cao độ giả định ... Cao độ các đồ án quy hoạch được lập trên cơ sở các hồ sơ zkhảo sát khác nhau và hệ cao độ không thống nhất nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình quản lý và thực hiện, nhất là việc khớp nối giữa các đồ án. Trong quá trình triển khai quy hoạch xây dựng, giao thông, thủy lợi ... đã và đang phát sinh rất nhiều mâu thuẫn và bất cập cần phải giải quyết.

- Giải quyết bài toán san nền và đầu tư hạ tầng kỹ thuật cũng đang được đặt ra. Việc nghiên cứu tỷ mỷ và xác định các mối tương quan về xây dựng, thủy lợi, giao thông sẽ mang lại thành quả rất lớn cho nền kinh tế mà vẫn đảm bảo đầy đủ các yếu tố kỹ thuật cần thiết.

- Các khu vực chưa có quy hoạch chung khi lập các dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội, việc xác định cao độ bao nhiêu là phù hợp, tối ưu nhất đang là bài toán được đặt ra. Việc quản lý đồng bộ giữa các khu vực có quy hoạch và chưa có quy hoạch cũng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là việc kết nối hạ tầng đồng bộ và cảnh quan chung do thiếu số liệu về hiện trạng địa hình và các công trình HTKT hiện có đang khai thác.

b2. Sự cần thiết :

- Là cơ sở giúp cho việc thu hút đầu tư của tỉnh vào các khu vực trở nên thuận lợi khi có cơ sở xác định khối lượng san nền kinh tế nhất và đảm bảo thoát nước tốt nhất tại từng lưu vực cụ thể.

- Là công cụ để các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh và các nhà đầu tư thực hiện xây dựng đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

- Đảm bảo hài hoà và thống nhất trong quá trình quản lý, đặc biệt là các công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Mục tiêu và quan điểm

2.1. Mục tiêu :

- Tạo ra sự thống nhất trong quản lý về cao độ san nền các dự án đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh từ khâu khảo sát lập quy hoạch, lập dự án đầu tư và thi công xây dựng.
- Là cơ sở để góp phần khớp nối các dự án và các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đồng bộ giữa các khu vực với nhau.

2.2. Quan điểm :

- Tôn trọng cao độ tại các khu dân cư hiện hữu; Tôn trọng hướng thoát nước và hệ thống thủy lợi hiện có.
- Cao độ thiết kế các tuyến đường mới hoặc sửa chữa, cải tạo phải phù hợp với cao độ khu dân cư hiện trạng trong khu vực và đảm bảo tỷ suất đầu tư thấp nhất, hiệu quả kinh tế nhất.
- Phân chia các lưu vực cụ thể để quy định cao độ cho từng lưu vực, đảm bảo hướng dốc và tiêu thoát nước và xác định cao độ san nền hợp lý nhất, hiệu quả nhất.
- Hệ cao độ: thống nhất một hệ cao độ trên toàn tỉnh – hệ cao độ Lục địa Nhà nước với độ chính xác đảm bảo không vượt quá ± 5 cm trong một lưu vực.

3. Nội dung

3.1. Lưới khống chế cao độ và cách tiếp cận xác định cao độ trong lưu vực.

- Hệ thống lưới khống chế cao độ là hệ cao độ Lục địa Nhà nước. Lưới độ cao kế thừa các điểm độ cao hạng I; II; III; IV đã có và phát triển lưới độ cao hạng III mới từ các điểm độ cao Nhà nước hạng I; II. Lưới được xây dựng dọc trục đường giao thông Quốc lộ, Tỉnh lộ và Huyện lộ. Trung bình khoảng từ 1km đến 1,5km được xây dựng 1 điểm độ cao.

- Tận dụng tối đa các hồ sơ, tài liệu đã có trước đây về cao độ trên địa bàn toàn tỉnh. Đánh giá và quy đổi về hệ cao độ thống nhất: hệ cao độ Lục địa Nhà nước.

- Tại khu vực đã có quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu: xem xét tính thống nhất của hệ thống cao độ, rà soát kiến nghị cao độ san nền và hệ thống thoát nước trong phạm vi đồ án cũng như các khu vực liên quan.

- Tại khu vực chưa có quy hoạch, chưa có hồ sơ khảo sát cao độ: chỉ tiến hành khảo sát những khu vực có khả năng phát triển xây dựng đã được xác định trong đồ án Quy hoạch vùng tỉnh. Những khu vực này, xác định cao độ đặc trưng khu dân cư, đất nông nghiệp, đường giao thông, hệ thống thủy lợi làm cơ sở xác định cao độ san nền khu vực.

3.2. Quy hoạch định hướng cao độ san nền.

3.2.1. Nguyên tắc phân chia lưu vực để xác định cao độ san nền :

- Lưu vực để xác định cao độ san nền các khu vực trên toàn tỉnh Hà Nam dựa vào các yếu tố sau:

+ Chỉ xác định các lưu vực tại các vùng có tiềm năng phát triển xây dựng được thống kê trong Quy hoạch vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 theo QĐ số 364/QĐ-UBND ngày 25/3/2011;

+ Địa hình: cơ bản đồng đều về cao độ.

+ Hệ thống thủy lợi: trong cùng một lưu vực có cùng một hệ thống thủy lợi và luôn được hỗ trợ lẫn nhau, thường được giới hạn bởi các sông: sông Đáy, sông Châu, sông Nhuệ, sông Biên Hòa, sông Sắt.

- Toàn tỉnh Hà Nam được xác định 09 lưu vực gồm: Tây sông Đáy (Nam sông Đáy – Tây QL21A và Tây – Nam sông Đáy); Bắc sông Đáy và Tây sông Nhuệ; Bắc sông Duy Tiên – Bắc sông Châu; Đông QL1A – Tây Bắc sông Châu; Đông sông Châu – Tây sông Hồng; QL1A – QL21A – Nam sông Châu – Tây sông Biên Hòa; Đông sông Đáy – Nam QL21A – Tây sông Biên Hòa; Đông sông Biên Hòa – Tây sông Sắt – Nam sông Châu; Nam sông Châu – Đông sông Sắt.

3.2.2. Sơ bộ phân chia lưu vực để xác định cao độ san nền :

a. Lưu vực 1: Tây sông Đáy – DT=6.454ha.

a.1. Tiểu lưu vực Nam sông Đáy – Tây QL21A (3.359ha) .

- Tiểu lưu vực Nam sông Đáy – Tây QL21A gồm thị trấn Ba Sao, xã Khả Phong và xã Tân Sơn.

- Đây là vùng tiếp giáp giữa vùng núi với đồng bằng. Địa hình khu vực xác định dốc theo hướng: Tây – Đông và Bắc – Nam. Thoát nước theo hệ thống thủy lợi ra sông Đáy thông qua các trạm bơm Tân Sơn, Khuyến Công, Khả Phong.

a.2. Tiểu lưu vực Tây – Nam sông Đáy (2.915ha).

- Tiểu lưu vực Tây – Nam sông Đáy gồm phường Lê Hồng Phong, phường Châu Sơn TP Phủ Lý; các xã: Thanh Sơn, Thi Sơn, Liên Sơn huyện Kim Bảng; thị trấn Kiện Khê huyện Thanh Liêm.

- Đây là vùng tiếp giáp giữa vùng núi với đồng bằng. Địa hình khu vực xác định dốc theo hướng: Tây – Đông và Bắc – Nam. Thoát nước theo hệ thống thủy lợi ra sông Đáy thông qua các trạm bơm: Thi Sơn, Thanh Nộn, Thanh Sơn, Ngòi Ruột, Thịnh Châu, La Mát.

- Các phường Lê Hồng Phong, Châu Sơn, thị trấn Kiện Khê đã có quy hoạch phân khu, cao độ khu vực này: Cao độ đường QL21A giữ nguyên hiện trạng từ 4,5m đến 5,5m. Cao độ san nền: Phường Lê Hồng Phong từ 3,2m đến 3,5m; thị trấn Kiện Khê từ 2,8m đến 3,3m.

b. Lưu vực 2: Bắc sông Đáy và Tây sông Nhuệ – DT=8.674ha.

- Lưu vực gồm thị trấn Quế và các xã: Nguyễn Uý, Tượng Lĩnh, Tân Sơn, Lê Hồ, Đại Cương, Nhật Tân, Đồng Hoá, Nhật Tựu thuộc huyện Kim Bảng.

- Địa hình khu vực xác định dốc theo hướng: Tây Bắc – Đông Nam, thoát nước ra sông Đáy và sông Nhuệ thông qua các trạm bơm: Danh Xuyên, Quế, Giáp Ba, Hoàng Tây, Kim Bình (trạm bơm Quế và kênh PH là chủ đạo).

- Trong lưu vực đã có hồ sơ khảo sát địa hình các xã: Nhật Tân, Tượng Lĩnh và thị trấn Quế. Tại các xã: Nhật Tân, Tượng Lĩnh cao độ khu dân cư trung bình 3,6m-4,0m, ngoài đồng 2,4m-2,6m. Khu vực thị trấn Quế cao độ hiện trạng từ 3,3m đến 4,0m (trung tâm thị trấn)

- Cao độ dự kiến của khu vực: phía Tây Bắc, khu vực Tượng Lĩnh từ 3,6m – 4,0m; phía Tây Nam, khu vực thị trấn Quế từ 3,2m – 3,7m.

c. Lưu vực 3: Bắc sông Duy Tiên – Bắc sông Châu – DT=3.918ha.

- Lưu vực gồm các xã: Mộc Bắc, Mộc Nam, Châu Giang, Chuyên Ngoại, Trác Văn và một phần thị trấn Hòa Mạc huyện Duy Tiên.

- Địa hình khu vực xác định dốc theo hướng: Bắc – Nam và hai phía Đông Tây chảy vào kênh A4-13, thoát nước ra sông Duy Tiên, sông Châu và sông Hồng qua các trạm bơm: Bút 1; Bẩy cửa 1,3 và trạm bơm Yên Lệnh.

- Trong lưu vực đã có hồ sơ khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch chung thị xã Duy Tiên.

- Cao độ dự kiến của khu vực: Cao độ QL38 vẫn giữ nguyên hiện trạng, cao độ từ 3,4m đến 3,8m. San nền: phía Bắc QL38 cao độ từ 3,2m đến 3,6m, phía Nam QL38 từ 2,9m đến 3,3m

d. Lưu vực 4: Đông QL1A – Bắc sông Châu – DT=9.501ha.

d.1. Tiểu lưu vực QL1A-Cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình (4.701ha).

- Lưu vực gồm thị trấn Đồng Văn và các xã: Bạch Thượng, Hoàng Đông, Tiên Nội, Tiên Ngoại huyện Duy Tiên, phường Lam Hạ, các xã Tiên Tân, Tiên Hiệp, TP Phủ Lý.

- Địa hình khu vực xác định dốc theo hướng: Bắc – Nam, từ giữa khu vực ra hai phía Đông và Tây, thoát nước ra sông Duy Tiên, sông Châu qua các trạm bơm: Hoàn Uyển, Lạc Trang 2, Lạc Tràng Bộ và Chợ Lương.

- Toàn bộ lưu vực đã có hồ sơ khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch xây dựng Khu công nghiệp, khu đô thị.

- Cao độ khu vực: Khu công nghiệp Đồng Văn I +II: từ 3,0m – 3,5m; Dọc trục

đường 68m Khu đô thị Bắc Sông Châu trung bình 3,5m; phía Đông và phía Tây tiểu lưu vực cao độ từ 2,9m đến 3,0m..

d.2. Tiểu lưu vực Đông Cao tốc Cầu Giẽ Ninh Ninh – Tây Bắc sông Châu (4.800ha).

- Lưu vực gồm thị trấn Hòa Mạc và các xã: Yên Bắc, Yên Nam, Tiên Nội, Chuyên Ngoại, Đọi Sơn, Tiên Phong, Châu Sơn huyện Duy Tiên.

- Địa hình khu vực xác định dốc theo hướng: Bắc – Nam và Đông - Tây chảy vào Kênh A4-6, A4-4, thoát nước ra sông Châu qua các trạm bơm: Chợ Lương, Điệp Sơn, Tiên Phong và Lạc Tràng Bộ.

- Trong lưu vực đã có hồ sơ khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch chung thị xã Duy Tiên.

e. Lưu vực 5: Đông sông Châu – Tây sông Hồng – DT=15.673ha.

- Lưu vực gồm toàn bộ huyện Lý Nhân

- Địa hình khu vực xác định dốc theo hướng: Bắc – Nam và Đông - Tây chảy vào sông Long Xuyên, thoát nước ra sông Châu và sông Hồng qua các trạm bơm: Nguyên Lý, Quang Trung, Hội Động, Nhân Khang, Đạo Lý, Như Trác, Nhân Hòa 1 và 2.

f. Lưu vực 6: QL1A – QL21A – Nam sông Châu – Tây sông Biên Hòa, DT=2.597ha.

- Lưu vực gồm các phường nội thị, phường Liêm Chính, các xã: Liêm Chung, Liêm Tuyền, Liêm Tiết, Đình Xá, Trịnh Xá thành phố Phủ Lý; xã Liêm Phong huyện Thanh Liêm.

- Địa hình khu vực xác định dốc theo hướng: Tây - Đông chảy vào sông Châu và sông Biên Hòa qua các trạm bơm: Mễ, Triệu Xá, Đình Xá và Cầu Đất.

- Phần phía Tây lưu vực đã có hồ sơ khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch thành phố Phủ Lý và nút giao Liêm Tuyền. Cao độ khu nội thị đã ổn định từ 2,9m đến 3,3m. Cao độ khu vực nút giao Liêm Tuyền từ 3,0m đến 3,5m.

g. Lưu vực phía 7: Đông sông Đáy – Nam QL21A – Tây sông Biên Hòa, DT=10.756ha.

- Lưu vực gồm các phường Thanh Châu, Thanh Tuyền thành phố Phủ Lý; thị trấn Kiện Khê, các xã: Liêm Cần, Liêm Thuận, Liêm Túc, Liêm Sơn, Thanh Hà, Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Phong, Thanh Bình, Thanh Lưu, Thanh Nghị, Thanh Tâm, Thanh Hương, Thanh Nguyên, Thanh Hải.

- Địa hình khu vực xác định dốc theo hướng: Bắc – Nam và Đông – Tây, chảy vào sông Đáy và sông Biên Hòa qua các trạm bơm: Võ Giang, Nhâm Tràng, Kim

Thanh.

- Phần phía Bắc lưu vực đã có hồ sơ khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch thành phố Phủ Lý và Khu công nghiệp Thanh Liêm. Cao độ khu vực này xác định từ 2,8m đến 3,2m.

h. Lưu vực 8: Đông sông Biên Hòa – Tây sông Sắt - Nam sông Châu, DT=9.358ha.

h.1. Tiểu lưu vực Đông sông Biên Hòa – Tây sông Sắt - Nam sông Châu – Bắc QL21A (4.800ha).

- Lưu vực gồm các xã: Tràng An, Bình Nghĩa, Đồng Du, Đồn Xá, Bối Cầu, An Mỹ, và thị trấn Bình Mỹ huyện Bình Lục.

- Địa hình khu vực xác định dốc theo hướng: Bắc – Nam và ra hai phía: Đông Tây, chảy vào sông Sắt và sông Biên Hòa qua các trạm bơm: Đình Xá, Bắc Khê, Đồng Du.

- Lưu vực này đã có hồ sơ khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch thị trấn Bình Mỹ. Cao độ quy hoạch san nền thị trấn Bình Mỹ từ 2,8m đến 3,5m.

h.2. Tiểu lưu vực Đông sông Biên Hòa – Tây sông Sắt - Nam sông Châu – Nam QL21A (4.558ha).

- Lưu vực gồm các xã: Tràng An, Mỹ Tho, An Đỗ, Tiêu Động, An Lão huyện Bình Lục.

- Địa hình khu vực xác định dốc theo hướng: Bắc – Nam và ra hai phía: Đông Tây, chảy vào sông Sắt và sông Biên Hòa qua các trạm bơm: An Đỗ, Mạnh Chư, Quế Sơn, S16 (đập Môi), Cỏ Đam, Tiêu Động 1, Biên Hòa 15.

i. Lưu vực 9: Nam sông Châu – Đông sông Sắt, DT=6.288ha.

- Lưu vực gồm các xã: Hưng Công, Bối Cầu, Ngọc Lũ, Trung Lương, An Ninh, An Nội huyện Bình Lục.

- Địa hình khu vực xác định dốc từ giữa ra các hướng: Bắc, Nam và Tây, chảy vào sông Sắt và sông Châu qua các kênh CT9, CG1 và trạm bơm: Nhân Trại, Máng Búi, Kênh Ben, Nhân Tiến, Mai Động, Bối Cầu.

3.3. Quy hoạch định hướng cao độ đường giao thông.

3.3.1. Nguyên tắc định hướng cao độ các tuyến đường giao thông :

- Tôn trọng cao độ các tuyến đường đang khai thác, sử dụng, quá trình nâng cấp, cải tạo hay duy tu bảo dưỡng không được làm thay đổi cao độ này.

- Chỉ quy định cao độ đối với các tuyến đường làm mới trên cơ sở tuân thủ cao độ theo từng lưu vực tuyến đi qua.

- Quy định cao độ khống chế tại một số điểm trên từng tuyến : Sẽ khống chế cao độ tại các điểm nút giao thông trên cơ sở tôn trọng cao độ các tuyến đường đang khai thác, sử dụng. Đối với nút giao thông của các tuyến đường mới, việc xác định cao độ sẽ trên cơ sở phù hợp với cao độ tại từng lưu vực quy định tại mục 3.2.2 và đảm bảo độ dốc quy định đối với quy mô tuyến đường theo tiêu chuẩn thiết kế.

(Có bảng cập nhật, tính toán cao độ tại các điểm nút giao thông kèm theo).

3.3.2. Sơ bộ cao độ các tuyến đường trên địa bàn tỉnh :

a. Đường quốc lộ :

a1. Đường QL1A , QL21A, QL21B, QL38, QL38B(ĐT492), QL37B(ĐT497), Phủ Lý - Mỹ Lộc : Tuyến đã có mặt đường đang khai thác sử dụng, cơ bản ổn định và phù hợp với dân cư hai bên tuyến, việc nâng cấp cải tạo phải đảm bảo không được làm thay đổi cao độ mặt đường đang sử dụng và phù hợp với cao độ san nền theo các lưu vực tính toán trên.

a2. Đường tránh QL1A, tránh QL38, QL21B mới (vành đai 5) là các tuyến đang trong quá trình lập dự án hoặc thiết kế kỹ thuật thi công để trình duyệt, việc xác định cao độ của các tuyến này phải trên cơ sở phù hợp với cao độ san nền theo các lưu vực tính toán trên.

b. Đường tỉnh lộ :

b1. Các tuyến ĐT491, ĐT493, ĐT494, ĐT494B, ĐT495, ĐT496, ĐT498, ĐT498B đã có mặt đường đang khai thác sử dụng cơ bản ổn định và phù hợp với dân cư hai bên tuyến, việc nâng cấp cải tạo phải không được làm thay đổi cao độ mặt đường đang sử dụng và phù hợp với cao độ san nền theo các lưu vực tính toán trên.

b2. Đường ĐT495B : Đang trong quá trình đầu tư xây dựng. Trong đó, đoạn từ QL1A đi về phía Đông, cao độ từ 3,00m – 5,50m (*không tính một số vị trí bố trí cầu vượt, hầm chui*).

b3. Đường ĐT499 : Đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư. Trong đó, đoạn Phủ Lý đi Chợ Sông đã phê duyệt quy hoạch 2 bên tuyến, cao độ khoảng 3m – 4,99m; Cao độ các đoạn tuyến khác khoảng 3,00m – 4,00m (*trừ vị trí có cầu*).

c. Đường huyện lộ và đường xã :

c1. Các tuyến đang khai thác, sử dụng, có cao độ ổn định và tương đối phù hợp với dân cư hai bên tuyến nên nếu nâng cấp, cải tạo thì việc nâng cấp cải tạo sẽ không được làm thay đổi cao độ mặt đường đang sử dụng và phù hợp với cao độ san nền theo các lưu vực tính toán trên.

c2. Các tuyến dự kiến hình thành mới : Khống chế cao độ tại các điểm đầu nối với đường tỉnh lộ trên cơ sở phù hợp với cao độ các tuyến đường cấp cao hơn (*tỉnh lộ, quốc lộ*) tại vị trí đầu nối. Tại các điểm khác phải phù hợp với cao độ san nền theo các lưu vực tính toán trên.

3.4. Dự án lập lưới độ cao và tiến độ thực hiện phục vụ công tác quản lý.

- Dự án 1: Lập lưới độ cao phục vụ các lưu vực: 2 (huyện Kim Bảng), 4 (Bắc sông Châu – Tây Duy Tiên), 6 (QL1A – QL21A – Nam sông Châu – Tây sông Biên Hòa), 7 (Đông sông Đáy – Nam QL21A – Tây sông Biên Hòa) và dọc đường Liêm Tuyền – Mỹ Lộc.

Dự án thực hiện trong năm 2015.

- Dự án 2: Lập lưới độ cao phục vụ các lưu vực còn lại, bao gồm huyện Lý Nhân, huyện Bình Lục, Đông huyện Thanh Liêm và Tây sông Đáy).

Dự án thực hiện từ năm 2017 đến năm 2020.

4. Tổ chức thực hiện :

4.1. Sở Xây dựng :

- Chủ trì khảo sát, lập quy hoạch và xây dựng mạng lưới các điểm mốc cao độ thủy chuẩn ngoài thực địa.

- Chủ trì thực hiện “*Dự án lưới độ cao*”.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc xác định cao độ san nền các dự án, cao độ các tuyến đường giao thông trình UBND chấp thuận.

- Quản lý và cung cấp cao độ, tọa độ khi có các Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn cần cung cấp để phục vụ cho việc khảo sát lập quy hoạch, dự án.

4.2. Sở Tài nguyên & Môi trường :

- Rà soát, bổ sung quỹ đất xây dựng mạng lưới mốc thủy chuẩn vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Cung cấp các số liệu bản đồ địa hình hiện trạng trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia thẩm định và quản lý.

4.3. Sở Tài Chính :

Báo cáo UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để quy hoạch và xây dựng mạng lưới độ cao.

4.4. Sở Giao thông Vận tải :

Trên cơ sở lưới cao độ chuẩn, rà soát cao độ hiện trạng các tuyến đường giao thông trong tỉnh, các dự án đường giao thông, đối chiếu với cao độ khu vực được duyệt để triển khai các dự án mới hoặc nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường giao thông hiện hữu theo cao độ quy hoạch sau khi có ý kiến thỏa thuận với Sở Xây dựng.

4.5. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn :

Trên cơ sở lưới cao độ chuẩn, rà soát cao độ hiện trạng hệ thống thủy lợi, các dự án và các công trình đầu mối để đưa về cùng hệ cao độ chuẩn (hệ mới xây dựng).

Cung cấp số liệu cao độ các công trình thủy lợi sau khi rà soát cho Sở Xây dựng để quản lý chung. Khi triển khai dự án mới hoặc cải tạo, nâng cấp các công trình hiện có, thống nhất về cao độ và công suất (những công trình liên quan đến thoát nước cho đô thị) với Sở Xây dựng.

4.6. Các Ban: Ban Quản lý khu đô thị mới, Ban Quản lý khu đô thị đại học, Ban Quản lý các công trình trọng điểm tỉnh:

Rà soát cao độ hiện trạng, cao độ các Đồ án quy hoạch và cao độ các dự án thuộc lĩnh vực Ban quản lý, đối chiếu với cao độ san nền khu vực được duyệt để điều chỉnh và triển khai theo cao độ quy hoạch sau khi có ý kiến thỏa thuận với Sở Xây dựng.

4.7. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Chịu trách nhiệm GPMB, thu hồi đất tại vị trí xây dựng mốc thủy chuẩn.
- Quản lý vị trí xây dựng mốc, không để các hộ dân có hành vi làm ảnh hưởng đến mốc giới đã xây dựng.

4.8. Các chủ Đầu tư và đơn vị tư vấn :

- Liên hệ với Sở Xây dựng khi khảo sát, lập dự án để lấy thông tin về vị trí khu đất và khoảng cách đến mốc thủy chuẩn gần nhất, làm cơ sở để

4. Kết luận và kiến nghị :

Để thực hiện việc quản lý cao độ trên địa bàn toàn tỉnh thống nhất theo Đề án, đề nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án làm cơ sở rà soát, thống nhất cao độ quy hoạch, cao độ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung về giao thông, thủy lợi, san nền, thoát nước ...

- Giao các Sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, rà soát, cập nhật, điều chỉnh cao độ và hạ tầng kỹ thuật các dự án để thực hiện có hiệu quả và đạt tiến độ.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu mốc, quản lý bằng phần mềm Auto Cad.

Phủ Lý, ngày /01/2015

Cơ quan chủ trì thực hiện
Sở xây dựng Hà Nam

THÔNG BÁO

Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Ủy ban tháng 12/2014

Ngày 11 tháng 12 năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh họp thảo luận các Đề án do Sở Xây dựng được phân công soạn thảo trình. Tham dự phiên họp có đồng chí Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở, ngành có liên quan. Sau khi nghe Lãnh đạo Sở Xây dựng báo cáo Đề án, Lãnh đạo các huyện, thành phố, Sở, ngành phát biểu ý kiến, Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thảo luận, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phát biểu ý kiến chỉ đạo, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận:

I. Đề án quản lý và Quyết định ban hành Quy định về quy hoạch, xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh

1. Căn cứ Nghị định 35/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ, từ thực tiễn quy hoạch, xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh thời gian qua, việc ban hành Đề án quản lý và Quyết định ban hành Quy định về quy hoạch, xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh là cần thiết và phù hợp với thẩm quyền của UBND tỉnh.

2. Sở Xây dựng tiếp thu ý kiến các thành viên Ủy ban và đại biểu dự họp, chỉnh sửa dự thảo Quyết định, Đề án theo hướng đảm bảo các nguyên tắc: Tiết kiệm đất; góp phần xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; phù hợp thực tiễn địa phương, có tính khả thi (*lưu ý nghiên cứu các cơ chế, chính sách để thực hiện như hỗ trợ để khuyến khích hóa táng...*), gửi lại xin ý kiến các Thành viên Ủy ban, Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

3. Quy hoạch, xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang là vấn đề lớn, quan trọng, liên quan trực tiếp tới tất cả người dân trên địa bàn tỉnh, do vậy để tạo sự đồng thuận, đảm bảo tính khả thi khi Đề án, Quyết định được ban hành, yêu cầu sau khi nhận được các ý kiến tham gia, Sở Xây dựng tiếp thu, hoàn thiện, phối hợp Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thủ tục pháp lý để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

II. Đề án quy hoạch và quản lý cao độ xây dựng trên địa bàn tỉnh

1. Thời gian qua, một số dự án trên địa bàn tỉnh việc khống chế cao độ quy hoạch chưa hợp lý, tuân thủ cao độ được phê duyệt chưa nghiêm. Việc ban hành Đề án quy hoạch và quản lý cao độ xây dựng trên địa bàn tỉnh là cần thiết để quản lý cao độ xây dựng và cao độ các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh, đảm bảo việc đầu tư tiết kiệm, hợp lý, tạo thuận lợi cho thu hút đầu tư.

2. Thống nhất lập lưới khống chế cao độ, trong đó ưu tiên tập trung thành phố Phủ Lý và các vị trí trọng điểm khác.

3. Sở Xây dựng tiếp thu ý kiến các thành viên Ủy ban và đại biểu dự họp, chỉnh sửa Đề án, gửi lại xin ý kiến đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, các Thành viên Ủy ban, Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, sau đó hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký, ban hành trước ngày 15 tháng 1 năm 2015.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo để các cơ quan liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận

- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy (để b/c);
- Các đ/c Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các đ/c Ủy viên Ủy ban;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Nam, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh;
- VPUB: LDVP, các CV, phòng Công báo – Tin học;
- Lưu: VT, KTTH

Th.KLhopT12/2014



Bùi Quang Cẩm